



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

*Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc là Công ty cổ phần được thành lập và đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107, Đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2006. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 9 số 550271984 ngày 27 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng, công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện;
- Tư vấn xây lắp các công trình thủy điện;
- Xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe, máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 124 TT3, KĐT Mỹ Đình - Sông Đà, Từ Liêm, Hà Nội

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên các đơn vị trực thuộc

Nhà máy Thuỷ điện Nậm Chiền 2

Nhà máy Thuỷ điện Nậm Công, Nậm Sọi

Địa chỉ

Xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Tên các Công ty con

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc (*)

Công ty TNHH MTV POZAO (**)

Địa chỉ

Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Số 124 TT3 Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội

(*) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2010. Ngày 19/10/2012, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐQT về việc giải thể Công ty và đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đang tiến hành các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

(**) Thực hiện quyết định số 35/2012/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty về việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Pozao, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2012/HDCN-CT chuyển toàn bộ số vốn góp cho bà Vũ Thị Thuý Nga.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính định kèm kèm Báo cáo này.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SÓ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông : Phạm Bá Tân	Chủ tịch
Ông : Vũ Văn Tính	Phó Chủ tịch
Ông : Ngõ Vinh Khương	Ủy viên
Ông : Vũ Khắc Tiệp	Ủy viên
Ông : Vũ Trọng Vinh	Ủy viên
Ông : Nguyễn Hồng Nguyên	Ủy viên
Ông : Tony Cau Fong Hsun	Ủy viên

Thành viên Ban Kiểm soát bao gồm :

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông : Trần Minh Châu	Trưởng ban
Ông : Trần Tuấn Anh	Ủy viên
Ông : Vũ Văn Hòa	Ủy viên

Thành viên của Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông : Vũ Trọng Vinh	Tổng Giám đốc
Ông : Trương Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Bùi Công Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Huyện	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo tài chính:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông : Nguyễn Văn Huyện	Kế toán trưởng
Ông : Đinh Quang Hải	Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Huyện là Kế toán trưởng Công ty trong năm cho đến ngày 05/12/2012. Sau khi miễn nhiệm ông Đinh Quang Hải ngày 13/3/2013, ông Nguyễn Văn Huyện được tái bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng. Từ ngày 13/3/2013, ông Nguyễn Văn Huyện là Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

TM. Ban Giám đốc



Vũ Trọng Vinh



Số: 37/2013/BCTC-PNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc được lập ngày 26 tháng 3 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến Kiểm toán viên

- Trong năm 2011, Công ty ghi nhận tăng giá trị vốn góp từ công nợ phải trả của ba cổ đông gồm: Công ty Cổ phần Sông Đà 10; Công ty Cổ phần Sông Đà 12 và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà Ucerin số tiền 17,2 tỷ đồng theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị mà chưa được xác nhận bởi ba cổ đông này. Ngoài ra, việc Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 08/NQ-DHCD ngày 26/12/2011 về việc giảm vốn góp bằng lợi thế thương mại của Công ty Cổ phần Nậm Chiền số tiền 8,5 tỷ đồng (căn cứ ý kiến của Đại hội đồng cổ đông) mà chưa có sự thống nhất của Công ty Cổ phần Nậm Chiền là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Các ghi nhận về vốn góp năm 2011 làm cho các chỉ tiêu: "vốn đầu tư của chủ sở hữu" tăng 8,7 tỷ đồng; "phải trả cho người bán" giảm 14,2 tỷ đồng (Phải trả Công ty Cổ phần Sông Đà 10 giảm 11,2 tỷ, Công ty Cổ phần Sông Đà 12 giảm 3 tỷ); "ứng trước cho người bán" tăng 3 tỷ đồng (Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ucerin) và chỉ tiêu "xây dựng cơ bản dở dang" giảm 8,5 tỷ đồng tại các ngày 31/12/2011 và 31/12/2012.
- Như đã nêu tại thuyết minh số 08 - "Tài sản cố định": trong năm 2011, Công ty ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ của Nhà máy thuỷ điện Nậm Chiền 2 với giá trị 704,78 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2012, Hội đồng quản trị Công ty vẫn chưa ban hành quyết định phê duyệt quyết toán cho giá trị tài sản này.

Đến ngày 31/12/2012, Báo cáo tài chính Công ty phản ánh nguyên giá TSCĐ của Nhà máy Nậm Công, Nậm Sọi cao hơn giá trị tại các Quyết định phê duyệt quyết toán của Hội đồng quản trị số tiền là 12,03 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, giá trị tăng thêm này cũng chưa được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt bổ sung.

- Tại thời điểm 31/12/2012, trên báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc số tiền 3.567.881.669 VND. Công ty đang tiến hành làm các thủ tục giải thể Công ty con theo quy định của pháp luật nên chưa xác định được tồn thẩt, vì vậy chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này (thuyết minh số 10).

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên mục “Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên” và ảnh hưởng của chúng (nếu có) trên Báo cáo tài chính năm 2012. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2013

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT



Kết luận Tất Thành
Chứng chỉ KTV số: 0410/KTV

Kiểm toán viên

Phạm Thị Thìn
Chứng chỉ KTV số: 1799/KTV

ĐƠN VỊ
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
PNT
133859
PHẠM THỊ THÌN
TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.858.316.915	33.783.443.671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	1.369.291.495	5.328.613.789
1. Tiền	111		1.369.291.495	5.328.613.789
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		20.524.413.917	24.295.834.488
1. Phải thu của khách hàng	131	4	12.661.506.905	5.922.679.203
2. Trả trước cho người bán	132		4.821.197.668	10.652.944.948
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		301.795.379	301.795.379
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	5	2.739.913.965	7.418.414.958
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		325.443.811	334.689.940
1. Hàng tồn kho	141	6	325.443.811	334.689.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.639.167.692	3.824.305.454
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.154.444.874	1.017.994.092
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	2.484.722.818	2.806.311.362

9-G.T.T.M
 Y
 ĐƯỜNG
 JOURNAL
 TP.HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.233.512.676.511	1.266.606.822.065
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		1.229.932.825.632	1.259.551.822.998
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.229.602.926.627	1.259.300.388.538
- Nguyên giá	222		<i>1.301.423.251.208</i>	<i>1.291.775.940.466</i>
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.820.324.581)	(32.475.551.928)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	329.899.005	251.434.460
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.567.881.669	7.045.256.323
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	3.567.881.669	7.045.256.323
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.969.210	9.742.744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	11.969.210	8.742.744
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			1.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.259.370.993.426	1.300.390.265.736

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.053.957.160.669	1.031.265.372.185
I. Nợ ngắn hạn	310		295.197.160.669	305.191.423.420
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	17.635.074.780	20.275.396.111
2. Phải trả người bán	312	13	109.878.744.478	135.715.359.764
3. Người mua trả tiền trước	313			74.488.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	10.035.231.569	7.695.390.580
5. Phải trả người lao động	315		2.498.549.425	3.137.608.825
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	155.149.560.417	138.293.179.640
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		758.760.000.000	726.073.948.765
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	758.760.000.000	726.073.948.765
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		205.413.832.757	269.124.893.551
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	205.413.832.757	269.124.893.551
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		362.547.540.000	362.547.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quý	414		(2.540.000.000)	(2.540.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(157.139.161.788)	(93.428.100.994)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.259.370.993.426	1.300.390.265.736



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Dự toán chỉ sự nghiệp dự án	006			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

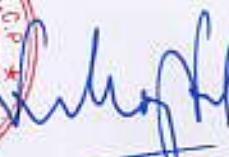
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

 Nguyễn Thị Bay

Kế toán trưởng





 Vũ Xương Vinh

021338
 CÔNG
 NHẬN
 TOÁN
 PM
 ANG MA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	123.610.478.777	76.989.499.718
2. Các khoản giảm trừ	03	18		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	123.610.478.777	76.989.499.718
4. Giá vốn hàng bán	11	19	50.451.885.981	37.356.356.652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.158.592.796	39.633.143.066
6. Doanh thu tài chính	21	20	25.039.266	17.072.846
7. Chi phí tài chính	22	21	124.860.805.154	119.657.175.673
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		124.860.805.154	119.657.175.673
8. Chi phí bán hàng	24		991.139.750	60.600.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.082.409.364	13.611.041.741
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(63.750.722.206)	(93.678.601.502)
11. Thu nhập khác	31	22	1.535.302.707	2.168.143.409
12. Chi phí khác	32	22	1.495.641.295	1.186.552.667
13. Lợi nhuận khác	40		39.661.412	981.590.742
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(63.711.060.794)	(92.697.010.760)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23		
16. Thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>(63.711.060.794)</u>	<u>(92.697.010.760)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	<u>(1.770)</u>	<u>(2.757)</u>

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Phong
Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng

roab

Tổng Giám đốc



Vũ Trọng Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
 Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(63.711.060.794)	(92.697.010.760)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			164.033.189.970	149.167.570.392
- Khấu hao tài sản cố định	02		39.637.935.509	30.509.058.307
- Các khoản dự phòng	03			
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(465.550.693)	(998.663.588)
- Chi phí lãi vay	06		124.860.805.154	119.657.175.673
3. <i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi</i>	08		100.322.129.176	56.470.559.632
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		3.956.558.333	4.449.410.409
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		9.246.129	7.842.904.180
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(10.359.981.478)	(12.386.734.441)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(3.226.466)	14.832.256
- Tiền lãi vay đã trả	13		(97.322.060.442)	(39.792.077.596)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.000.000	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(3.396.334.748)	16.598.894.440
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(35.431.131.370)	(33.705.139.153)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.320.000.000	252.052.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.477.374.654	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.039.266	17.072.846
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(30.608.717.450)	(33.436.013.807)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		8.933.330.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		67.838.626.015	23.796.635.113
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37.792.896.111)	(15.224.603.889)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>30.045.729.904</i>	<i>17.505.361.224</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.959.322.294)	668.241.857
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.328.613.789	4.660.371.932
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.369.291.495	5.328.613.789

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bbury
Nguyễn Thị Bbury

rose

Mong Nh
Vũ Trọng Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc là Công ty cổ phần được thành lập và đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107. Đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2006. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 9 số 550271984 ngày 27 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 124 TT3, KĐT Mỹ Đình - Sông Đà, Từ Liêm, Hà Nội

Công ty có các đơn vị thành viên sau :

Tên các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Nhà máy thuỷ điện Nậm Chiền 2	Xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Nhà máy thuỷ điện Nậm Công, Nậm Sọi	Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La
Tên các Công ty con	Địa chỉ
Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc	Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, Sơn La
Công ty TNHH MTV POZAO (**)	Số 124 TT3 Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội

1.2. Linh vực kinh doanh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012: Chủ yếu là sản xuất và kinh doanh thủy điện.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng, công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện;
- Tư vấn xây lắp các công trình thủy điện;
- Xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe, máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng.

010213
CÔNG
RÁCH NĂ
KIỂM TỐ
P
ĐĂNG M

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (ký hiệu: VND)

2.3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, cũng như không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.5. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán số Nhật ký chung trên máy vi tính.

2.6. Thay đổi các chính sách kế toán và ước tính kế toán

Các chính sách kế toán và ước tính kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách và ước tính đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, ngoại trừ sự thay đổi về ước tính kế toán liên quan đến khấu hao tài sản cố định.

385g - C
GTY
EM HUU H
NO QUOC T
NT
TAI - TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Công ty đã chuyển sang áp dụng phương pháp tính khấu hao theo số lượng, khôi lượng sản phẩm đối với các tài sản cố định là Nhà máy thuỷ điện Nậm Chiền 2, Nhà máy thuỷ điện Nậm Công và Nhà máy thuỷ điện Nậm Sọi. Phương pháp khấu hao theo sản lượng khác với phương pháp khấu hao theo đường thẳng mà Công ty đã sử dụng trước đó để xác định chi phí khấu hao trong kỳ như sau:

Nội dung nghiệp vụ	Xác định chi phí khấu hao trong năm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009	
Phương pháp khấu hao đường thẳng	Phương pháp khấu hao theo khôi lượng, số lượng sản phẩm	
Trích khấu hao TSCĐ hàng năm	Mức trích = Nguyên giá TSCĐ/Thời gian sử dụng	Mức trích = Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm x Nguyên giá TSCĐ/Sản lượng theo công suất thiết kế

Nếu Công ty tiếp tục áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng trong năm 2012 thì ảnh hưởng của nghiệp vụ nêu trên ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 như sau:

Đơn vị tính: VND		
Chi tiêu thuần ảnh hưởng	Tại báo cáo tài chính	Số tiền tăng, (giảm)
- Hao mòn TSCĐ	Bảng cân đối kế toán	13.834.632.960
- Lợi nhuận chưa phân phối	Bảng cân đối kế toán	(13.834.632.960)
- Giá vốn hàng bán	Báo cáo kết quả kinh doanh	(13.834.632.960)
- Lợi nhuận sau thuế	Báo cáo kết quả kinh doanh	13.834.632.960

Ảnh hưởng tới lãi trên cổ phiếu của năm 2012 do thay đổi này là 384 VND/cổ phiếu.

2.7. Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính của Công ty (báo cáo tài chính tổng hợp) được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của 02 đơn vị trực thuộc là Nhà máy thuỷ điện Nậm Chiền 2 và Nhà máy thuỷ điện Nậm Công Nậm Sọi.

Từng chỉ tiêu của từng Báo cáo tài chính tổng hợp (Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp) được tính toán bằng cách cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả các Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo 02 đơn vị trực thuộc rồi thực hiện điều chỉnh theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của các Báo cáo tài chính;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh thì phải thực hiện các điều chỉnh thích hợp sau đó mới cộng để tổng hợp khoản mục và trình bày trên các Báo cáo tài chính.

Các chỉ tiêu chủ yếu phải điều chỉnh liên quan đến tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

- Số dư các khoản phải thu phải trả giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc được loại trừ hoàn toàn. Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2012 số dư các khoản phải thu, phải trả nội bộ được loại trừ trên báo cáo tài chính Tổng hợp như sau (Chi tiết xem phụ lục số 01 đính kèm Báo cáo tài chính - trang 34).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và 02 đơn vị trực thuộc được lập cho cùng một kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012 và đều áp dụng chính sách kế toán cho các giao dịch và sự kiện cùng loại.

2.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi đổi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

2.10. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Năm 2012, Khấu hao TSCĐ Nhà máy thủy điện Nậm Chiền 2 và Nhà máy Thủy điện Nậm Công - Nậm Sọi được tính khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm (sản lượng phát điện) thay thế phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng trong 25 năm đã áp dụng các năm trước.

Các TSCĐ khác được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	07 - 12	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- TSCĐ hữu hình khác	04	năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

2.13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Năm 2012, chi phí tài chính tại Công ty phát sinh chủ yếu từ lãi các khoản gốc vay ngân hàng thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Nậm Chiền 2 và dự án Nhà máy thủy điện Nậm Công - Nậm Sọi.

2.14. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phản lối rõ ràng và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.18. Điều chỉnh hồi tố

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 căn cứ kết quả kiểm toán BCTC năm 2012. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm 2011	Đơn vị tính: VND	
			Số liệu điều chỉnh (1)	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Thặng dư vốn cổ phần	412	5.454.545	2.545.454.545	2.540.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	0	(2.540.000.000)	(2.540.000.000)

- (1) Trong năm 2011, Công ty mua lại cổ phiếu của các cổ đông để làm cổ phiếu quỹ của Công ty theo Nghị quyết 07/NQ-HĐQT ngày 18/11/2011 và Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2011 của Hội đồng quản trị Công ty. Tại thời điểm mua lại, Công ty không hạch toán vào chỉ tiêu cổ phiếu quỹ mà hạch toán giảm chỉ tiêu thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	746.067.629	3.295.296.991
Tiền gửi ngân hàng	623.223.866	2.033.316.798
Cộng	1.369.291.495	5.328.613.789

4 Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khách hàng (<i>tiền bán điện tháng 12/2012</i>)	12.651.239.802	5.912.412.100
Phải thu khách hàng khác	10.267.103	10.267.103
Cộng	12.661.506.905	5.922.679.203

5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của người lao động		
Phải thu khác	2.739.913.965	7.418.414.958
Trong đó:		
- Tại Văn phòng Công ty	2.600.674.293	5.406.442.691
- Tại Nhà máy thủy điện Nậm Chiềng 2	71.834.049	1.928.103.026
- Tại Nhà máy thủy điện Nậm Công - Nậm Spi	67.405.623	83.869.241
Cộng	2.739.913.965	7.418.414.958

6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	200.303.839	269.014.656
Công cụ, dụng cụ	125.139.972	65.675.284
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	325.443.811	334.689.940

7 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiêu chòi xử lý	350.156.887	350.156.887
Tạm ứng	2.131.565.931	2.454.154.475
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	2.000.000
Cộng	2.484.722.818	2.806.311.362

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TÙ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Đơn vị tính: VNĐ	
					TSCĐ Khác (1)	Công
<u>I. Nguyên giá</u>						
Số dư đầu kỳ	867.515.477	5.640.493.859	410.179.300	1.284.857.751.830	1.291.775.940.466	
- Mua trong kỳ	31.200.000				31.200.000	
- Đầu tư XDCB hoàn thành				10.788.762.171		10.788.762.171
- Tặng khác						
- Chuyển sang BDS đầu tư			1.172.651.429			1.172.651.429
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	898.715.477	4.467.842.430	410.179.300	1.295.646.514.901	1.301.423.251.208	
<u>II. Giá trị hao mòn luỹ kế</u>						
Số dư đầu kỳ	(563.902.164)	(2.086.598.697)	(363.326.067)	(29.461.725.000)	(32.475.551.928)	
- Sổ khấu hao trong kỳ	(102.605.025)	(580.704.792)	(31.891.537)	(38.922.734.155)	(39.637.935.509)	
- Tặng khác						
- Chuyển sang BDS đầu tư			293.162.856			293.162.856
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	(666.507.189)	(2.374.140.633)	(395.217.604)	(68.384.459.155)	(71.820.324.581)	
<u>III. Giá trị còn lại</u>						
1. Tại ngày đầu kỳ	303.613.313	3.553.895.162	46.853.233	1.255.396.026.830	1.259.300.388.538	
2. Tại ngày cuối kỳ	232.208.288	2.093.701.797	14.961.696	1.227.262.054.846	1.229.602.926.627	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (*tiếp theo*)

Ghi chú:

- Số liệu thuyết minh nguyên giá "TSCĐ khác" tại ngày 31/12/2012 bao gồm giá trị tài sản cố định hình thành từ thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Nậm Chiền 2 và dự án Nhà máy thủy điện Nậm Công - Nậm Sọi lùy kế đến 31/12/2012 và tài sản cố định khác, chi tiết:
 - Giá trị thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Näm Chiền 2: 704.781.771.723
 - Giá trị thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Näm Công - Näm Sỏi: 590.791.517.278
 - Tài sản cố định khác: 73.225.000Cộng: 1.295.646.514.001

- Trong năm 2011 và 2012, Công ty ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ Nhà máy thủy điện Näm Công - Näm Sỏi với các thông tin sau:

	Giá trị tăng TSCĐ	Giá trị theo Quyết định phê duyệt quyết toán của Hội đồng quản trị	Chênh lệch
- Nhà máy thủy điện Näm Chiền 2	704.781.771.723	chưa có phê duyệt quyết toán	
- Nhà máy thủy điện Näm Công - Näm Sỏi	590.791.517.278		12.032.453.388
Cộng			<u>12.032.453.388</u>

- Giá trị TSCĐ là Nhà máy thủy điện Näm Chiền 2 và Nhà máy thủy điện Näm Công - Näm Sỏi đã được dùng làm tài sản đảm bảo của các khoản vay ngắn hạn (Chi tiết số dư gốc vay xem thuyết minh số 16 - Vay và nợ dài hạn).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Chim 1A	189.660.909	111.196.364
Mua sắm tài sản cố định	140.238.096	140.238.096
Cộng	329.899.005	251.434.460

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Pozao (*)		500.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc (**)	3.567.881.669	6.545.256.323
Cộng	3.567.881.669	7.045.256.323

(*) Thực hiện quyết định số 35/2012/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty về việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Pozao, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2012/HDCN-CT chuyển toàn bộ số vốn góp cho bà Vũ Thị Thuý Nga.

(**) Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2010. Ngày 19/10/2012, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐQT về việc giải thể Công ty và đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đang tiến hành các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.969.210	8.742.744
Cộng	11.969.210	8.742.744

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		13.275.396.111
- PVFC Nam Định		13.275.396.111
Nợ dài hạn đến hạn trả	(*) 17.635.074.780	7.000.000.000
Cộng	17.635.074.780	20.275.396.111

(*) Đây là khoản nợ phải trả trong năm 2013 của các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh số 16), ngoại trừ các khoản nợ phải trả năm 2013 của Hợp đồng tín dụng số 07/00001.HDTD ngày 4/10/2007 ký với NH Đầu tư và Phát triển Sơn La, số tiền vay 399 tỷ đồng do Công ty và Ngân hàng đang tiến hành cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các nhà thầu	108.376.184.539	132.908.889.193
Phải trả ngắn hạn cho người bán	1.502.559.939	2.806.470.571
Cộng	109.878.744.478	135.715.359.764

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	6.190.510.092	4.591.814.534
Thuế thu nhập cá nhân	645.094.899	467.055.562
Thuế tài nguyên	3.199.626.578	2.636.520.484
Công	10.035.231.569	7.695.390.580

(Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế).

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	275.696.948	744.330.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	177.487.585	
Phải trả khác, trong đó:	154.696.375.884	137.548.849.440
+ Chi phí lãi vay dài hạn phải trả:	131.929.793.942	103.713.856.689
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	86.396.345.768	65.939.402.216
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Giang	7.540.674.220	10.267.480.554
Ngân hàng TMCP Quân Đội	19.413.479.267	12.974.919.210
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	10.549.670.101	7.090.872.056
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	8.029.624.586	7.441.182.653
+ Chi phí lãi chậm trả các Đơn vị thi công:	7.874.527.171	7.874.527.171
Công ty CP Sông Đà 10	1.544.284.010	1.544.284.010
Công ty CP Sông Đà 11- Thăng Long	462.988.585	462.988.585
CN Someco Sông Đà tại Hòa Bình	3.228.016.942	3.228.016.942
Công ty CP Sông Đà 4	618.007.220	618.007.220
Công ty CP Sông Đà 1.02 Hòa Bình	57.347.472	57.347.472
Công ty CP Đầu tư TMDV vận tải An Thành	310.956.975	310.956.975
Công ty Someco Sông Đà - CN Hòa Bình	1.015.126.842	1.015.126.842
Công ty CP TMDV Phú Cường	448.365.071	448.365.071
Công ty CP Tập đoàn An Phát	189.434.054	189.434.054
+ Phải trả khác:	14.892.054.771	25.960.465.580
Bà Trương Thị Bình	1.000.000.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	287.568.020	1.437.840.099
CN Công ty Someco Sông Đà tại Hòa Bình	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thắm		10.133.133
Ông Nguyễn Văn Dũng		2.620.441.319
Ông Trương Việt Hà	7.000.000.000	3.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Huyện		340.000.000
Ông Trương Mạnh Thắng	18.384.545	
Ông Trần Văn Hồng	8.022.524	
Bà Phạm Thị Thu Huyền	22.143.014	105.143.014
Công ty TNHH TVXD Sông Đà Ucrin	86.251.046	431.255.231
Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà	45.974.012	229.870.062
Cổ đông thoái vốn	690.000.000	2.440.000.000
Chi phí lãi vay ngắn hạn PVFC Nam Định		677.192.541
Doanh nghiệp Hồi Hingle	47.975.100	47.975.100
Công ty TNHH MTV khai thác & xây lắp vật liệu xây dựng		3.628.385.992
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	87.600.000	
Phải trả chi phí công tác Đảng	74.576.912	70.456.912
Các khoản khác	523.559.598	121.772.177
Công	155.149.560.417	138.293.179.640

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ dài hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng			
- <i>Dự án Nhà máy thuỷ điện Nậm Chiền 2</i>		414.830.000.000	387.000.000.000
+ <i>NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La</i>	(1)	269.880.000.000	250.000.000.000
+ <i>NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Giang</i>	(1)	56.950.000.000	49.000.000.000
+ <i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	(1)	61.537.177.080	61.537.177.080
+ <i>Ngân hàng TMCP An Bình - CN Sơn La</i>	(2)	26.462.822.920	26.462.822.920
- <i>Dự án Nhà máy thuỷ điện Nậm Công</i>	(3)	184.220.000.000	182.244.496.866
+ <i>NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La</i>		96.038.800.000	102.244.496.866
+ <i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình</i>		88.181.200.000	80.000.000.000
- <i>Dự án Nhà máy thuỷ điện Nậm Sipi</i>	(4)	159.710.000.000	156.829.451.899
+ <i>NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La</i>		74.679.600.000	76.829.451.899
+ <i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</i>		85.030.400.000	80.000.000.000
Nợ dài hạn			
Cộng		758.760.000.000	726.073.948.765

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(I) *Bao gồm các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:*

1.1. Hợp đồng tín dụng số 07/00001.HDTD ngày 4/10/2007 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Sơn La, BIDV - Chi nhánh Hà Giang và Ngân hàng TMCP Quân Đội; trong đó BIDV - Chi nhánh Sơn La là ngân hàng đầu mối:

- + *Hạn mức vay tối đa: 399.000.000.000 VND;*
- + *Thời hạn vay: 11 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;*
- + *Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2012 là 13,5%/năm;*
- + *Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 360.537.177.080 VND.*

1.2. Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HDTDNC2 ngày 30/3/2012 ký với BIDV Sơn La:

- + *Hạn mức vay tối đa: 21.000.000.000 VND;*
- + *Thời hạn vay: 80 tháng kể từ ngày 28/04/2012;*
- + *Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2012 là 13,5%/năm;*
- + *Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 20.980.000.000 VND.*
- + *Nợ phải trả trong năm 2013: 700.000.000 VND*

1.3. Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HDTDNC2 ngày 29/6/2012 ký với đầu mối là BIDV Sơn La:

- + *Hạn mức vay tối đa: 8.000.000.000 VND;*
- + *Thời hạn vay: 11 năm theo hợp đồng 07/00001/HDTD nêu trên;*
- + *Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2012 là 13,5%/năm;*
- + *Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 7.950.000.000 VND.*
- + *Nợ phải trả trong năm 2013: 400.000.000 VND*

Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là Nhà máy thuỷ điện Nậm Chiền 2, giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 31/5/2012 là: 747.621.040.130 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

(2) *Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sơn La theo hợp đồng tín dụng số 54/10/TD/XH ngày 10/02/2010 với các nội dung sau:*

- + Số tiền vay 38.462.822.920 VND;
- + Thời hạn vay 5 năm;
- + Lãi suất thay đổi định kỳ 03 tháng/lần trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng VND (trả lãi sau) của ABBank + 3%/năm nhưng không vượt quá lãi suất trần do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- + Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 29.462.822.920 VND;
- + Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 31/5/2012 là 747.621.040.130 VND (đứng như quy định tại khoản vay mà Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối).
- + Nợ phải trả trong năm 2013: 3.000.000.000 VND

(3) *Bao gồm các khoản vay với các hợp đồng tín dụng sau:*

3.1. Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HDTD ngày 08/9/2009 ký với BIDV - Chi nhánh Sơn La và BIDV - Chi nhánh Ba Đình do BIDV - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối:

- + Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
- + Thời hạn vay: 108 tháng;
- + Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2012 là 13,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 180.100.000 VND.

3.2. Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HDTDNC ngày 29/06/2012 ký với BIDV - Chi nhánh Sơn La:

- + Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VND;
- + Thời hạn vay: 108 tháng theo Hợp đồng số 01/2009/NC-HDTD nêu trên;
- + Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2012 là 13,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 12.950.000.000 VND.

Nợ phải trả trong năm 2013 của cả hai hợp đồng trên là: 8.830.000.000 VND

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là nhà máy thuỷ điện Nậm Công, giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 31/5/2012 là 334.947.807.128 VND.

(4) *Bao gồm các khoản vay với các hợp đồng tín dụng sau:*

4.1. Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HDTD ngày 8/9/2009 ký với BIDV - chi nhánh Sơn La và BIDV - chi nhánh Thanh Xuân do BIDV - chi nhánh Sơn La làm đầu mối:

- + Hạn mức vay tối đa: 167.000.000.000 VND;
- + Thời hạn vay: 114 tháng;
- + Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2012 là 13,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 158.415.074.780 VND.

4.2. Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HDTDNS ngày 29/06/2012 ký với BIDV Sơn La:

- + Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VND;
- + Thời hạn vay: 114 tháng theo hợp đồng số 01/2009/NS-HDTD nêu trên;
- + Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2012 là 13,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc đến 31/12/2012: 6.000.000.000 VND.

Nợ phải trả trong năm 2013 của cả hai hợp đồng trên là: 4.705.074.780 VND

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là nhà máy thuỷ điện Nậm Sỏi, giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 31/5/2012 là 289.578.824.750 VND.

0102153
CÔNG
RÁCH NHÉ
LỄ TOÁN
PH
ĐĂNG MÃ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
 BẢO CAO TÀI CHÍNH
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (kiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn góp	Thặng dư vốn góp cổ phần	Cổ phiếu quý	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm 2011	300.000.000,000	2.545.454.545	-	(731.090.234)	301.814.364.311
<i>Tăng trong năm</i>					71.047.540.000
Tăng vốn trong năm 2011	71.047.540.000				
<i>Giảm trong năm</i>					
Giảm vốn trong năm 2011	(8.500.000.000)				(8.500.000.000)
Mua lại cổ phiếu quý					(2.540.000.000)
Lỗ trong năm 2011					(92.697.010.760)
Số dư cuối năm 2011	362.547.540.000	2.545.454.545	(2.540.000.000)	(93.428.100.994)	269.124.893.551
<i>Tăng trong năm</i>					
Tăng vốn trong năm 2012					
<i>Giảm trong năm</i>					
Giảm vốn trong năm 2012					(63.711.060.794)
Lỗ trong năm 2012					(157.139.161.788)
Số dư cuối năm 2012	362.547.540.000	2.545.454.545	(2.540.000.000)	(157.139.161.788)	205.413.832.757
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					
Vốn góp của các cổ đông là pháp nhân					(63.711.060.794)
Vốn góp của các cổ đông là thẻ nhân					(157.139.161.788)
Công					205.413.832.757
	Số cuối năm				Số đầu năm
	217.792.840.000				217.792.840.000
	144.754.700.000				144.754.700.000
	362.547.540.000				362.547.540.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn đối với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	362.547.540.000	362.547.540.000
Vốn góp đầu năm	362.547.540.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		71.047.540.000
Vốn góp giảm trong năm		8.500.000.000
Vốn góp cuối năm	<u>362.547.540.000</u>	<u>362.547.540.000</u>

Tai ngày 31/12/2012, số lỗ lũy kế tại Văn phòng Công ty là 146.725.775.762 VND, trong đó, năm 2012, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty lỗ 63.711.060.794 VND.

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.254.774	36.254.774
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	36.254.774	36.254.774
+ Cổ phiếu phổ thông	36.254.774	36.254.774
Số lượng cổ phiếu mua lại	254.000	254.000
+ Cổ phiếu phổ thông	254.000	254.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.774	36.000.774
+ Cổ phiếu phổ thông	36.000.774	36.000.774
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	123.610.478.777	76.989.499.718
Doanh thu bán hàng (doanh thu bán điện thương phẩm)	123.610.478.777	76.989.499.718
Các khoản giảm trừ		
Doanh thu thuần (doanh thu bán hàng)	<u>123.610.478.777</u>	<u>76.989.499.718</u>

19. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán (giá vốn sản xuất điện thương phẩm)	50.451.885.981	37.356.356.652
Cộng	<u>50.451.885.981</u>	<u>37.356.356.652</u>

20. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.039.266	17.072.846
Cộng	<u>25.039.266</u>	<u>17.072.846</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	124.860.805.154	119.657.175.673
Cộng	124.860.805.154	119.657.175.673

22. Thu nhập và chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.535.302.707	2.168.143.409
Thu từ thanh lý TSCĐ	1.320.000.000	1.916.090.909
Thu từ thanh lý vật tư, công cụ	113.717.900	210.252.500
Thu nhập khác	101.584.807	41.800.000
Chi phí khác	1.495.641.295	1.186.552.667
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	879.488.573	1.117.719.334
Chi phí khác	616.152.722	68.833.333
Lợi nhuận khác	39.661.412	981.590.742

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(63.711.060.794)	(92.697.010.760)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	616.152.722	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	616.152.722	
Tổng lợi nhuận chịu thuế	(63.094.908.072)	
Chuyển lỗ năm trước	(93.428.100.994)	
Tổng lợi nhuận tính thuế	(156.523.009.066)	
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	_____	_____
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	_____	_____
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	_____	_____
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	_____	_____

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận sau thuế	(63.711.060.794)	(92.697.010.760)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	(63.711.060.794)	(92.697.010.760)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	36.000.774	33.620.108
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.770)	(2.757)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	62.114.210.000
Cộng	62.114.210.000	62.114.210.000

26. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31/12/2012, Công ty có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ quá hạn cho các nhà thầu thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Thuỷ điện Nậm Chiền 2, Nhà máy Thuỷ điện Nậm Công và Nhà máy Thuỷ điện Nậm Sỏi. Các khoản phải trả này như đã nêu tại Thuyết minh số 13 là 108.376.184.539 VND.

Đồng thời, Công ty cũng có nghĩa vụ thanh toán ngay các khoản nợ lãi Ngân hàng, lãi chậm trả các nhà thầu và các khoản phải trả khác lần lượt là 131,9 tỷ đồng; 7,8 tỷ đồng và 14,8 tỷ đồng.

Các khoản nợ tiềm tàng

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty có khả năng phải thanh toán lãi chậm trả năm 2011 và 2012 chưa tính cho các nhà thầu số tiền ước tính là 18 tỷ đồng. Mặc dù tại các Hợp đồng xây dựng đã ký giữa Công ty và các nhà thầu không có điều khoản bắt buộc Công ty phải thanh toán lãi trả chậm, tuy nhiên Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-HĐQT ngày 11/08/2010 về việc tính lãi cho các khoản nợ chưa thanh toán đối với các nhà thầu. Thực tế, Công ty cũng đã tính lãi phải trả cho một số nhà thầu và hạch toán vào chi phí các năm 2010 và 2011.

01021338
CÔNG
TÁCH NHIỆM
IEM TOÀN
PN:
ĐANG MAI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

27. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm 2012 như sau:

Tên bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Bà Trương Thị Bình	Vợ Chủ tịch HĐQT	Cho Công ty vay	1.475.000.000
Bà Trương Thị Bình	Vợ Chủ tịch HĐQT	Công ty trả vay	6.275.000.000
Ông Trương Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	Cho Công ty vay	6.000.000.000
Ông Trương Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	Công ty trả vay	2.000.000.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, ngày 31/12/2012, số dư các khoản công nợ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Tên bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư (VND)
Công ty Cổ Phần Sông Đà 10	Cổ đông lớn	Chi phí lãi chậm trả các Đơn vị thi công	1.544.284.010
Công ty Cổ Phần Sông Đà 10	Cổ đông lớn	Phải trả nhà cung cấp	22.147.902.463
Công ty CP Someco Sông Đà	Cổ đông lớn	Phải trả nhà cung cấp	34.641.315.622
Công ty CP Someco Sông Đà	Cổ đông lớn	Phải trả khác	9.243.143.784
Công ty Cổ Phần Sông Đà 12	Cổ đông lớn	Phải trả nhà cung cấp	1.680.924.195
Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà	Cổ đông lớn	Chi phí khắc phục sự cố lũ Năm Chiến 2	45.974.012
Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà	Cổ đông lớn	Phải trả nhà cung cấp	1.608.817.025
Bà Trương Thị Bình	Vợ Chủ tịch HDQT	Cho Công ty vay	1.000.000.000
Ông Trương Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	Cho Công ty vay	7.000.000.000

- T -
TY
HỮU HÃ
UỐC TÍ
- TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

28. Quản lý rủi ro tài chính và đánh giá khả năng hoạt động liên tục

Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
a. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	97,95%	97,40%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	2,05%	2,60%
b. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	83,69%	79,30%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	16,31%	20,70%
Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,19	1,26
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,09	0,11
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,00	0,00
Tỷ suất sinh lời		
<i>Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</i>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	(51,54%)	(120,40%)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	(51,54%)	(120,40%)
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</i>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	(5,06%)	(7,13%)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	(5,06%)	(7,13%)
<i>Tỷ suất sinh lời trên vốn góp chủ sở hữu</i>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn góp chủ sở hữu	(17,57%)	(25,57%)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn góp chủ sở hữu	(17,57%)	(25,57%)

Nợ phải trả của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả nhà thầu và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính để phục vụ mục đích đầu tư ba nhà máy thuỷ điện. Công ty có rất ít tiền mặt, tiền gửi cũng như các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Với các số liệu phân tích ở trên, Ban Giám đốc Công ty xác định rủi ro lớn nhất của Công ty là rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp phải khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn dài hạn. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã liên tục có những theo dõi và thực hiện các cuộc đàm phán với những đối tác bao gồm các nhà thầu cung cấp dịch vụ trước đây và các ngân hàng để giảm thiểu rủi ro này. Đồng thời Ban Giám đốc cũng đã thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát khả năng thanh toán của Công ty.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định Báo cáo tài chính năm 2012 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Đến thời điểm lập báo cáo, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc vẫn hết sức nỗ lực thực hiện các công việc sau để đảm bảo tính hoạt động liên tục của Công ty:

- Tiếp tục tìm kiếm các nguồn vốn dài hạn từ các đối tác khác nhau.
- Trao đổi với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sơn La (ngân hàng đầu mối) để cơ cấu lại khoản vay 399 tỷ cho mục đích đầu tư Nhà máy Thuỷ điện Nậm Chiền 2.
- Đề nghị các Ngân hàng xem xét giảm lãi suất cho vay trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn.
- Tiếp tục làm việc với các nhà thầu để thuyết phục họ chuyển các khoản nợ (gốc và lãi trả chậm) thành vốn góp hoặc thành nợ dài hạn.
- Đẩy mạnh quản lý sản xuất nhằm phát huy hết công suất của ba Nhà máy thuỷ điện, đưa doanh thu trong các năm tiếp theo đạt mức cao nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

29. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hồng Hà. Số liệu này đã được phân loại cho phù hợp với Báo cáo tài chính năm 2012.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Phan
Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng

rose



Vũ Trọng Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản thuỷđể minh Báo cáo tài chính (nộp theo)

PHỤ LỤC 01

(Chi tiết công nợ phải thu, phải trả nội bộ tại 31/12/2012)

		Đơn vị tính: VND			
Đơn vị trực thuộc		TK 136 - Phải thu nội bộ	TK 336- Phải trả nội bộ	TK 136 - Phải thu nội bộ sau bù trừ	Ghi chú
I. Tại Văn phòng công ty		1.671.441.652,862	282.716.761,113	1.388.724.891,749	-
Nhà máy thủy điện Nậm Chiền 2		944.453.483,225	171.627.206,080	772.826.277,145	
Nhà máy thủy điện Nậm Công - Nậm Sọi		726.686.374,258	111.089.555,033	615.596.819,225	
Nhà máy thủy điện Nậm Chim 1A		277.884,993		277.884,993	
Nhà máy thủy điện Nậm Chiền 2A		23.910,386		23.910,386	
II. Tại Nhà máy thủy điện Nậm Chiền 2		114.279.325,600	887.105.602,745	114.279.325,600	887.105.602,745
1. Văn Phòng Công ty		114.279.325,600	-	114.279.325,600	
2. Nhà máy thủy điện Nậm chiền 2			876.708.233,695		876.708.233,695
3. Ban quản lý dự án Nậm chiền 2			10.397.369,050		10.397.369,050
III. Nậm Công Nậm Sọi		111.089.555,033	726.686.374,258		615.596.819,225
Văn Phòng Công ty		111.089.555,033	726.686.374,258		615.596.819,225
IV. Tổng cộng = (I) + (II) + (III)			1.503.004.217,349	1.502.702.421,970	
V. Bù trừ công nợ phải thu, phải trả khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty Tây Bắc:			1.503.004.217,349	1.503.004.217,349	
VI. Cộng nợ phải trả nội bộ sau bù trừ tại 31/12/2012:			301.795.379		
Cụ thể:					
+ Phải thu Nậm Chim 1A				277.884.993	
+ Phải thu Nậm Chiền 2A				23.910.386	

